

PHỤ LỤC 2.15: THỰC TRẠNG, NHU CẦU THIẾT BỊ DẠY HỌC THCS CỦA TRƯỜNG PTDTBT-THCS ĐẮK KÔI THUỘC XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) ĐẮK KÔI NĂM 2026  
(MĨ THUẬT)

(Kèm theo Công văn số 616/SGDĐT-GDTrH ngày 23/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi)

| Số TT | Tên thiết bị                 | Đối tượng sử dụng |    | Đơn vị | Định mức | 1. Trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi, xã(phường) Đăk Kôi |                              |                              |                              |                              | Mô tả chi tiết thiết bị        | Tỷ lệ % TBDH TT hiện có so với định mức |
|-------|------------------------------|-------------------|----|--------|----------|---------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------|
|       |                              | GV                | HS |        |          | Tổng Số lượng TBDH hiện có (đang sd)              | Nhu cầu bổ sung TBDHTT lớp 6 | Nhu cầu bổ sung TBDHTT lớp 7 | Nhu cầu bổ sung TBDHTT lớp 8 | Nhu cầu bổ sung TBDHTT lớp 9 |                                |                                         |
| A     | B                            | C                 | D  | E      | F        | (1)                                               | (2)                          | (3)                          | (4)                          | (5)                          |                                |                                         |
| XIV   | MÔN MĨ THUẬT                 |                   |    |        |          |                                                   |                              |                              |                              |                              |                                |                                         |
| A     | THIẾT BỊ, DỤNG CỤ DÙNG CHUNG |                   |    |        |          |                                                   |                              |                              |                              |                              |                                |                                         |
| 1     | Bục, bệ                      |                   | X  | Bộ     | 1        | 0                                                 |                              |                              |                              | 1                            | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 0%                                      |
| 2     | Tủ/giá                       | X                 | X  | Cái    | 3        | 0                                                 |                              |                              |                              |                              | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 0%                                      |
| 3     | Mẫu vẽ                       |                   | X  | Bộ     | 1        | 1                                                 |                              |                              |                              |                              | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 100%                                    |
| 4     | Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)   |                   | X  | Cái    | 01/HS    | 30                                                |                              |                              |                              |                              | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 100%                                    |
| 5     | Bảng vẽ                      |                   | X  | Cái    | 01/HS    | 30                                                |                              |                              |                              |                              | Theo Thông tư 26/2023/TT-BGDĐT | 100%                                    |
| 6     | Lô đồ họa (tranh in)         |                   | X  | Cái    | 05/HS    | 0                                                 |                              |                              |                              | 6                            | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 0%                                      |
| 7     | Màu Goát (Gouache colour)    |                   | X  | Hộp    | 01/HS    | 0                                                 |                              |                              |                              | 30                           | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 0%                                      |
| 8     | Đất nặn                      |                   | X  | Hộp    | 01/HS    | 0                                                 |                              |                              |                              | 30                           | Theo Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT | 0%                                      |

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Thủ trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

Trương Chí Tuyền